

Bản án số: 390/2025/DS-PT

Ngày 16 – 9 – 2025

V/v thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Bà Tiêu Hồng Phượng

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc: Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 321/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1985 (Có mặt);

Căn cước số: 095185000456; Cấp ngày: 08/10/2024; Nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B.

Nay là: Ấp N, xã N, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trương Chí L, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 095081000469; Cấp ngày: 13/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Nay là: Ấp K, xã H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Trương Chí L: Ông Phan Văn S, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Thành T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Căn cước công dân số: 09508300814; Cấp ngày: 15/03/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Nay là: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Ông Trương Chí L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Lê Thị Ngọc T trình bày:*

Ông Võ Thành T1 có mượn (vay không có lãi) của bà T số tiền 360.000.000 đồng, ông T1 có giao cho bà T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 đứng tên Võ Thành T1.

Ngày 15/7/2021, ông Trương Chí L tự nguyện viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ thay cho ông T1 và có nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Võ Thành T1 theo hồ sơ 031009 CN 001 ký 07/5/2021, ông L đã trả cho bà T được 287.000.000 đồng thì không trả nữa. Bà T liên hệ đòi ông L trả số tiền còn lại nhiều lần nhưng ông L vẫn không trả đủ tiền cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Chí L trả số tiền mà ông L bảo lãnh cam kết trả nợ thay cho ông T1 còn nợ 73.000.000 đồng.

- *Đối với ông Trương Chí L:*

Trong quá trình tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng trực tiếp cho ông L nhưng ông không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo ông Võ Thành T1 trình bày:*

Ông Võ Thành T1 thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà T. Vào năm 2021 (không nhớ rõ ngày, tháng) ông T1 có mượn (vay không có lãi) của bà T số tiền 360.000.000 đồng, khi vay ông T1 có giao cho bà T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để làm tin. Do ông T1 cần nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay ngân hàng nhưng ông T1 không đủ điều kiện vay tiền ở ngân hàng nên vào ngày 15/7/2021 ông T1 nhờ ông Trương Chí L là bạn ông T1 bảo lãnh trả nợ cho ông T1 đối với bà T (ông L tự tay viết giấy nhận nợ đề ngày 15/7/2021 đưa bà T giữ) và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 để chuyển tên từ ông T1 sang ông L để vay tiền ngân hàng để trả nợ cho bà T. Sau khi nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 từ bà T thì ông T1 đã chuyển tên quyền sử dụng đất sang cho ông L nhưng vẫn không được ngân hàng chấp nhận cho vay nên ông T1 và ông L thống nhất thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cho 01 cá nhân khác vay tổng số tiền là 450.000.000 đồng, ông L trả cho bà T 100.000.000 đồng và đưa ông T1 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông L không đưa cho ông T1 cũng không trả đủ cho bà T số nợ 360.000.000 đồng mà đến nay ông L vẫn còn nợ bà T số tiền 73.000.000 đồng. Vì vậy, ông T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Trương Chí L có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay ông cho bà T như đã thỏa thuận, bởi vì ông T1 đã thực hiện đúng như thỏa thuận giữa ông với ông L, nhưng ông L không thực hiện đúng như thỏa thuận trước đây.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T. Buộc ông Trương Chí L trả cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền 73.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/07/2025, ông Trương Chí L có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông Trương Chí L giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông S phát biểu: Ông S thừa nhận ông L còn nợ bà T số tiền 73.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông L là bà Phạm Thị T2 tham gia tố tụng để đảm bảo cho việc thi hành án, không buộc ông T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Chí L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trương Chí L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà Lê Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu buộc ông L thực hiện nghĩa vụ trả cho bà L số tiền mà ông L bảo lãnh trả nợ thay cho ông Võ Thành T1 còn lại 73.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ của ông Trương Chí L ngày 15/7/2023.

Tại Giấy nhận nợ của ông L có nội dung: “Tôi tên Trương Chí L sinh năm 1981 số thẻ căn cước 095081000469 cấp ngày 13/4/2021. Hôm nay, ngày 15/7/2021 tôi có nhận quyền sử dụng đất tên: Võ Thành T1 sinh năm 1983, CMND: 385160393. Đc: Ấp N, TT N – HD – BL. Theo hồ sơ: 031090.CN.001 (ký 07/5/2021 Trần Chí L1) để chuyển sang tên tôi vay tín dụng cho ông Võ Thành T1. Tôi nhận nợ và cam kết trả nợ 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) của ông Võ Thành T1 nợ bà Lê Thị Ngọc T. Sau khi chuyển tên và vay được tiền tôi sẽ tất toán cho bà T”. Giấy nhận nợ có ký tên và ghi họ tên Trương Chí L.

Ngoài giấy nhận nợ, bà T còn cung cấp các chứng từ chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của ông L vào tài khoản ngân hàng của bà T. Theo bà T xác định trong số tiền nhận nợ 360.000.000 đồng, ông L đã trả được 287.000.000 đồng, còn nợ lại 73.000.000 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Thông báo kết quả

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng ông L cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, nên được xem như ông L đã mặc nhiên thừa nhận. Đồng thời, ông T1 là người thiếu nợ của bà T được ông L bảo lãnh nợ cũng thừa nhận có việc ông L bảo lãnh nợ và viết giấy nhận nợ cho bà T như bà T trình bày. Mặt khác, khi ông T1 vay tiền của bà T thì ông T1 có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 đứng tên cho bà T giữ để làm tin; nếu không có việc ông L viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà T thay cho ông T1 thì không thể có việc bà T đồng ý giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và ông T1. Sau khi viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ, ông L cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T thay cho ông T1; theo bà T xác định ông L đã trả được 287.000.000 đồng, còn lại 73.000.000 đồng ông L không trả tiếp. Tại phiên toà, người đại diện của ông L cũng thừa nhận ông L còn nợ bà T số tiền 73.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền còn lại 73.000.000 đồng và Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông L trả cho bà T số tiền 73.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với căn cứ đề nghị huỷ bản án sơ thẩm như người đại diện của ông L đặt ra, xét thấy: Tại giấy biên nhận nợ và cam kết trả nợ chỉ có ông L cam kết, không có bà T2 là vợ ông L tham gia, bà T chỉ khởi kiện yêu cầu ông L trả nợ theo biên nhận nợ đã cam kết, không đặt ra yêu cầu gì đối với bà T2 là vợ ông L và cũng không yêu cầu buộc ông Trung liên Đ trả nợ. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không đưa bà T2 là vợ ông L tham gia tố tụng và không buộc ông T1 có nghĩa vụ liên đới với ông L để trả nợ cho bà T là đúng quy định pháp luật, không vi phạm tố tụng. Đối với kháng cáo của ông L yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà T có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với ông L; Toà án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2025/QĐ-PTTK ngày 14/8/2025 đối với bà T và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-PT ngày 14/8/2025 đối với ông L, nên tiếp tục duy trì các quyết định nêu trên để bảo đảm cho việc thi hành án.

[5] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Trương Chí L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm ông Trương Chí L phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Chí L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2025/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (Nay là Toà án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau).

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc T.

Buộc ông Trương Chí L trả cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền 73.000.000 đồng (Bảy mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2025/QĐ-PTTK ngày 14/8/2025 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-PT ngày 14/8/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau để bảo đảm cho việc thi hành án.

- Án phí dân sự:

Án phí sơ thẩm: Ông Trương Chí L phải chịu 3.650.000 đồng. Bà Lê Thị Ngọc T không phải chịu án phí. Ngày 24/3/2025, bà T đã dự nộp 1.825.000 đồng theo biên lai thu số 0004220 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được nhận lại.

Án phí phúc thẩm: Ông Trương Chí L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 08/7/2025, ông L có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011423 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Cà Mau, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Toà án nhân dân khu vực 9-Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập